

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC NGOẠI GIAO
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NGOẠI VỤ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Lĩnh vực	Trang
A	TTHC nội bộ cơ quan, người có thẩm quyền ở Trung ương đã ban hành quy định; cơ quan, người có thẩm quyền ở địa phương thực hiện hoặc quy định bổ sung theo thẩm quyền để thực hiện		
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1	Thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp tỉnh của tổ chức (các cơ quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 29/06/2023 của UBND thành phố)	Ngoại giao	3
2	Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp tỉnh của tổ chức (các cơ quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 29/06/2023 của UBND thành phố)	Ngoại giao	5
3	Thủ tục chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp tỉnh của tổ chức (các cơ quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 29/06/2023 của UBND thành phố)	Ngoại giao	7
4	Thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp sở	Ngoại giao	9
5	Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp sở	Ngoại giao	11
6	Thủ tục chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp sở	Ngoại giao	12

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN			
1	Thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp huyện	Ngoại giao	15
2	Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp huyện	Ngoại giao	16
3	Thủ tục chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp huyện	Ngoại giao	18
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ			
1	Thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp xã biên giới	Ngoại giao	20
2	Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp xã biên giới	Ngoại giao	23
3	Thủ tục chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp xã biên giới	Ngoại giao	25

Phần II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TTHC NỘI BỘ

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp tỉnh của tổ chức (các cơ quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 29/06/2023 của UBND thành phố).

1.1. Trình tự thực hiện:

Thực hiện theo Điều 8 Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ, cụ thể:

Bước 1:

+ Trước khi tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế, cơ quan cấp tỉnh của tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Ngoại vụ, các cơ quan cấp sở có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế đó và các cơ quan khác có liên quan.

+ Trường hợp Điều lệ của tổ chức có quy định về việc xin ý kiến cơ quan trung ương của tổ chức, cơ quan cấp tỉnh của tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản cơ quan trung ương của tổ chức.

Bước 2: Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 3: Cơ quan đề xuất tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế cho Sở Ngoại vụ.

Bước 4: Sở Ngoại vụ xử lý hồ sơ và trình Chủ tịch UBND thành phố.

Bước 5: Chủ tịch UBND thành phố quyết định bằng văn bản về việc ký kết thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 6: Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh của tổ chức tiến hành ký kết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác ký thỏa thuận quốc tế.

Bước 7: Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức báo cáo Chủ tịch UBND thành phố bằng văn bản, đồng thời gửi Sở Ngoại vụ bản sao thỏa thuận quốc tế để thông báo theo quy định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được ký kết.

1.2. Cách thức thực hiện: lựa chọn một trong các cách sau:

- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Sở Ngoại vụ.
- Gửi trên phần mềm Văn phòng điện tử.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đối với hồ sơ lấy ý kiến về đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế (Điều 11, Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ):

- + Văn bản đề xuất về việc ký kết thỏa thuận quốc tế.

+ Dự thảo văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

- Đối với hồ sơ trình về việc ký kết thỏa thuận quốc tế (Điều 11 Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ):

+ Văn bản đề xuất về việc ký kết thỏa thuận quốc tế.

+ Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, tổ chức.

+ Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.

+ Dự thảo văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

1.3.2. *Số lượng*: chưa quy định.

1.4. *Thời hạn giải quyết*:

+ Bước 1: trước khi ký kết thỏa thuận quốc tế

+ Bước 2: 07 ngày làm việc

+ Bước 3: Chưa quy định

+ Bước 4: Chưa quy định

+ Bước 5: 05 ngày làm việc

+ Bước 6: theo thời gian cụ thể thống nhất giữa các bên

+ Bước 7: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được ký kết.

1.5. *Đối tượng thực hiện*:

Các cơ quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND thành phố (ban hành kèm theo Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 29/06/2023 của UBND thành phố).

1.6. *Cơ quan giải quyết*:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

- Cơ quan giải quyết : Sở Ngoại vụ.

1.7. *Kết quả thực hiện*: văn bản của Chủ tịch UBND thành phố về việc ký kết thỏa thuận quốc tế.

1.8. *Phí, lệ phí*: Không.

1.9. *Tên mẫu đơn, tờ khai*: Không quy định.

1.10. *Yêu cầu, điều kiện thực hiện*: Không quy định.

1.11. *Căn cứ pháp lý của thủ tục*:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp thành phố; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp thành phố của tổ chức.

2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp tỉnh của tổ chức (các cơ quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 29/06/2023 của UBND thành phố)

2.1. Trình tự thực hiện:

Thực hiện theo Điều 13 Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ, cụ thể:

Bước 1: Trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế, cơ quan cấp tỉnh của tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Ngoại vụ, các cơ quan cấp sở có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế đó và các cơ quan khác có liên quan.

Bước 2: Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 3: Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế cho Sở Ngoại vụ.

Bước 4: Sở Ngoại vụ xử lý hồ sơ và trình Chủ tịch UBND thành phố.

Bước 5: Chủ tịch UBND thành phố quyết định bằng văn bản về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 6: Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh của tổ chức tiến hành ký kết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác ký sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế.

Bước 7: Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức báo cáo Chủ tịch UBND thành phố bằng văn bản, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Sở Ngoại vụ về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế theo quy định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn có hiệu lực.

2.2. Cách thức thực hiện: lựa chọn một trong các cách sau:

- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Sở Ngoại vụ.
- Gửi trên phần mềm Văn phòng điện tử.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

2.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đối với hồ sơ lấy ý kiến về sửa đổi, bổ sung, gia hạn ký kết thỏa thuận quốc tế:
- + Văn bản đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế.

+ Dự thảo sửa đổi, bổ sung, gia hạn văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp bản sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

- Đối với hồ sơ trình về việc về sửa đổi, bổ sung, gia hạn ký kết thỏa thuận quốc tế:

+ Văn bản đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế.

+ Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, tổ chức.

+ Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.

+ Dự thảo sửa đổi, bổ sung, gia hạn văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp bản sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

2.3.2. *Số lượng*: Chưa quy định.

2.4. *Thời hạn giải quyết*:

+ Bước 1: trước khi ký kết sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế

+ Bước 2: 07 ngày làm việc

+ Bước 3: Chưa quy định

+ Bước 4: Chưa quy định

+ Bước 5: 05 ngày làm việc

+ Bước 6: theo thời gian cụ thể thống nhất giữa các bên

+ Bước 7: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế sửa đổi, bổ sung, gia hạn được ký kết.

2.5. *Đối tượng thực hiện*:

Các cơ quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND thành phố (ban hành kèm theo Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 29/06/2023 của UBND thành phố).

2.6. *Cơ quan giải quyết*:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

- Cơ quan giải quyết : Sở Ngoại vụ.

2.7. *Kết quả thực hiện*: văn bản của Chủ tịch UBND thành phố về việc ký kết thỏa thuận quốc tế sửa đổi, bổ sung, gia hạn.

2.8. *Phí, lệ phí*: Không.

2.9. *Tên mẫu đơn, tờ khai*: Không quy định.

2.10. *Yêu cầu, điều kiện thực hiện*: Không quy định.

2.11. *Căn cứ pháp lý của thủ tục*:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp thành phố; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp thành phố của tổ chức.

3. Thủ tục chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp tỉnh của tổ chức (các cơ quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 29/06/2023 của UBND thành phố)

3.1. Trình tự thực hiện:

Thực hiện theo Điều 14, Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ, cụ thể:

Bước 1: Trước khi tiến hành chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế, cơ quan cấp tỉnh của tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Ngoại vụ, các cơ quan cấp sở có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế đó và các cơ quan khác có liên quan.

Bước 2: Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 3: Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế cho Sở Ngoại vụ.

Bước 5: Chủ tịch UBND thành phố quyết định bằng văn bản về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 6: Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh của tổ chức tiến hành ký kết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác ký chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Bước 7: Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức báo cáo Chủ tịch UBND thành phố bằng văn bản; đồng thời gửi Sở Ngoại vụ thông báo về chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế để thông báo theo quy định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được ký kết.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Sở Ngoại vụ.
- Gửi trên phần mềm Văn phòng điện tử.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đối với hồ sơ lấy ý kiến về chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế:

+ Văn bản đề xuất về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế.

+ Dự thảo văn bản chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp dự thảo văn bản chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

- Đối với hồ sơ trình về việc về chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế:

+ Văn bản đề xuất về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế.

+ Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, tổ chức.

+ Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.

+ Dự thảo văn bản chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp dự thảo văn bản chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

3.3.2. *Số lượng*: Chưa quy định.

3.4. *Thời hạn giải quyết*:

+ Bước 1: trước khi tiến hành về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế

+ Bước 2: 07 ngày làm việc

+ Bước 3: Chưa quy định

+ Bước 4: Chưa quy định

+ Bước 5: 05 ngày làm việc

+ Bước 6: theo thời gian cụ thể thống nhất giữa các bên

+ Bước 7: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế.

3.5. *Đối tượng thực hiện*:

Các cơ quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND thành phố (ban hành kèm theo Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 29/06/2023 của UBND thành phố).

3.6. *Cơ quan giải quyết*:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

- Cơ quan giải quyết : Sở Ngoại vụ.

3.7. *Kết quả thực hiện*: văn bản của Chủ tịch UBND thành phố về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế.

3.8. *Phí, lệ phí*: Không.

3.9. *Tên mẫu đơn, tờ khai*: Không quy định.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không quy định.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp thành phố; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp thành phố của tổ chức.

4. Thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp sở

4.1. Trình tự thực hiện:

Thực hiện theo Điều 5, Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ, cụ thể:

Bước 1: Trước khi tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế, cơ quan cấp sở lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Ngoại vụ, các cơ quan cấp sở có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế đó và các cơ quan khác có liên quan.

Bước 2: Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 3: Cơ quan cấp sở tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế cho Sở Ngoại vụ.

Bước 4: Sở Ngoại vụ xử lý hồ sơ và trình Chủ tịch UBND thành phố.

Bước 5: Chủ tịch UBND thành phố quyết định bằng văn bản về việc ký kết thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 6: Người đứng đầu cơ quan cấp sở tiến hành ký kết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác ký thỏa thuận quốc tế.

Bước 7: Cơ quan cấp sở báo cáo Chủ tịch UBND thành phố bằng văn bản, đồng thời gửi Sở Ngoại vụ bản sao thỏa thuận quốc tế để thông báo theo quy định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được ký kết.

4.2. Cách thức thực hiện: lựa chọn một trong các cách sau:

- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Sở Ngoại vụ.
- Gửi trên phần mềm Văn phòng điện tử.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

4.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đối với hồ sơ lấy ý kiến về đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế (Điều 11, Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ):

- + Văn bản đề xuất về việc ký kết thỏa thuận quốc tế.

+ Dự thảo văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

- Đối với hồ sơ trình về việc ký kết thỏa thuận quốc tế (Điều 11, Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ):

+ Văn bản đề xuất về việc ký kết thỏa thuận quốc tế.

+ Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, tổ chức.

+ Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.

+ Dự thảo văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

4.3.2. *Số lượng*: chưa quy định.

4.4. *Thời hạn giải quyết*:

+ Bước 1: trước khi ký kết thỏa thuận quốc tế

+ Bước 2: 07 ngày làm việc

+ Bước 3: Chưa quy định

+ Bước 4: Chưa quy định

+ Bước 5: 05 ngày làm việc

+ Bước 6: theo thời gian cụ thể thống nhất giữa các bên

+ Bước 7: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được ký kết.

4.5. *Đối tượng thực hiện*:

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

4.6. *Cơ quan giải quyết*:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

- Cơ quan giải quyết : Sở Ngoại vụ.

4.7. *Kết quả thực hiện*: văn bản của Chủ tịch UBND thành phố về việc ký kết thỏa thuận quốc tế.

4.8. *Phí, lệ phí*: Không.

4.9. *Tên mẫu đơn, tờ khai*: Không quy định.

4.10. *Yêu cầu, điều kiện thực hiện*: Không quy định.

4.11. *Căn cứ pháp lý của thủ tục*:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan

ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp thành phố; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp thành phố của tổ chức.

5. Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp sở

5.1. Trình tự thực hiện:

Thực hiện theo Điều 13 Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ, cụ thể:

Bước 1: Trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế, cơ quan cấp sở lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Ngoại vụ, các cơ quan cấp sở có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế đó và các cơ quan khác có liên quan.

Bước 2: Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 3: Cơ quan cấp sở tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế cho Sở Ngoại vụ.

Bước 4: Sở Ngoại vụ xử lý hồ sơ và trình Chủ tịch UBND thành phố.

Bước 5: Chủ tịch UBND thành phố quyết định bằng văn bản về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 6: Người đứng đầu cơ quan cấp sở tiến hành ký kết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác ký sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế.

Bước 7: Cơ quan cấp sở báo cáo Chủ tịch UBND thành phố bằng văn bản, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Sở Ngoại vụ về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế theo quy định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn có hiệu lực.

5.2. Cách thức thực hiện: lựa chọn một trong các cách sau:

- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Sở Ngoại vụ.
- Gửi trên phần mềm Văn phòng điện tử.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

5.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đối với hồ sơ lấy ý kiến về sửa đổi, bổ sung, gia hạn ký kết thỏa thuận quốc tế:
 - + Văn bản đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế.
 - + Dự thảo sửa đổi, bổ sung, gia hạn văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp bản sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.
- Đối với hồ sơ trình về việc về sửa đổi, bổ sung, gia hạn ký kết thỏa thuận quốc tế:
 - + Văn bản đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế.

- + Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, tổ chức.
- + Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.
- + Dự thảo sửa đổi, bổ sung, gia hạn văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp bản sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

5.3.2. *Số lượng*: Chưa quy định.

5.4. *Thời hạn giải quyết*:

- + Bước 1: trước khi ký kết sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế
- + Bước 2: 07 ngày làm việc
- + Bước 3: Chưa quy định
- + Bước 4: Chưa quy định
- + Bước 5: 05 ngày làm việc
- + Bước 6: theo thời gian cụ thể thống nhất giữa các bên
- + Bước 7: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế sửa đổi, bổ sung, gia hạn được ký kết.

5.5. *Đối tượng thực hiện*:

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

5.6. *Cơ quan giải quyết*:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.
- Cơ quan giải quyết : Sở Ngoại vụ.

5.7. *Kết quả thực hiện*: văn bản của Chủ tịch UBND thành phố về việc ký kết thỏa thuận quốc tế sửa đổi, bổ sung, gia hạn.

5.8. *Phí, lệ phí*: Không.

5.9. *Tên mẫu đơn, tờ khai*: Không quy định.

5.10. *Yêu cầu, điều kiện thực hiện*: Không quy định.

5.11. *Căn cứ pháp lý của thủ tục*:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp thành phố; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp thành phố của tổ chức.

6. Thủ tục chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp sở

6.1. *Trình tự thực hiện:*

Thực hiện theo Điều 14, Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ, cụ thể:

Bước 1: Trước khi tiến hành chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế, cơ quan cấp sở lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Ngoại vụ, các cơ quan cấp sở có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế đó và các cơ quan khác có liên quan.

Bước 2: Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 3: Cơ quan cấp sở tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế cho Sở Ngoại vụ.

Bước 5: Chủ tịch UBND thành phố quyết định bằng văn bản về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 6: Người đứng đầu cơ quan cấp sở tiến hành ký kết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác ký chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Bước 7: Cơ quan cấp sở báo cáo Chủ tịch UBND thành phố bằng văn bản; đồng thời gửi Sở Ngoại vụ thông báo về chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế để thông báo theo quy định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được ký kết.

6.2. *Cách thức thực hiện:*

- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Sở Ngoại vụ.
- Gửi trên phần mềm Văn phòng điện tử.

6.3. *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

6.3.1. *Thành phần hồ sơ*

- Đối với hồ sơ lấy ý kiến về chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế:

+ Văn bản đề xuất về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế.

+ Dự thảo văn bản chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp dự thảo văn bản chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

- Đối với hồ sơ trình về việc về chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế:

+ Văn bản đề xuất về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế.

+ Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, tổ chức.

+ Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.

+ Dự thảo văn bản chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp dự thảo văn bản chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

6.3.2. *Số lượng*: Chưa quy định.

6.4. *Thời hạn giải quyết*:

+ Bước 1: trước khi tiến hành về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế

+ Bước 2: 07 ngày làm việc

+ Bước 3: Chưa quy định

+ Bước 4: Chưa quy định

+ Bước 5: 05 ngày làm việc

+ Bước 6: theo thời gian cụ thể thống nhất giữa các bên

+ Bước 7: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế.

6.5. *Đối tượng thực hiện*:

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

6.6. *Cơ quan giải quyết*:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

- Cơ quan giải quyết : Sở Ngoại vụ.

6.7. *Kết quả thực hiện*: văn bản của Chủ tịch UBND thành phố về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế.

6.8. *Phí, lệ phí*: Không.

6.9. *Tên mẫu đơn, tờ khai*: Không quy định.

6.10. *Yêu cầu, điều kiện thực hiện*: Không quy định.

6.11. *Căn cứ pháp lý của thủ tục*:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp thành phố; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp thành phố của tổ chức.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp huyện

1.1. Trình tự thực hiện:

Thực hiện theo Điều 6 Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ, cụ thể:

Bước 1: Trước khi tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế, UBND cấp huyện lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Ngoại vụ, các cơ quan cấp sở có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế đó và các cơ quan khác có liên quan.

Bước 2: Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 3: UBND cấp huyện tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế cho Sở Ngoại vụ.

Bước 4: Sở Ngoại vụ xử lý hồ sơ và trình Chủ tịch UBND thành phố.

Bước 5: Chủ tịch UBND thành phố quyết định bằng văn bản về việc ký kết thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 6: Chủ tịch UBND cấp huyện tiến hành ký kết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác ký thỏa thuận quốc tế.

Bước 7: UBND cấp huyện báo cáo Chủ tịch UBND thành phố bằng văn bản, đồng thời gửi Sở Ngoại vụ bản sao thỏa thuận quốc tế để thông báo theo quy định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được ký kết.

1.2. Cách thức thực hiện: lựa chọn một trong các cách sau:

- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Sở Ngoại vụ.
- Gửi trên phần mềm Văn phòng điện tử.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đối với hồ sơ lấy ý kiến về đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế (Điều 11, Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ):

+ Văn bản đề xuất về việc ký kết thỏa thuận quốc tế.

+ Dự thảo văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

- Đối với hồ sơ trình về việc ký kết thỏa thuận quốc tế (Điều 11, Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ):

+ Văn bản đề xuất về việc ký kết thỏa thuận quốc tế.

+ Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, tổ chức.

+ Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.

+ Dự thảo văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

1.3.2. *Số lượng*: Chưa quy định.

1.4. *Thời hạn giải quyết*:

+ Bước 1: trước khi ký kết thỏa thuận quốc tế

+ Bước 2: 07 ngày làm việc

+ Bước 3: Chưa quy định

+ Bước 4: Chưa quy định

+ Bước 5: 05 ngày làm việc

+ Bước 6: theo thời gian cụ thể thống nhất giữa các bên

+ Bước 7: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được ký kết

1.5. *Đối tượng thực hiện*:

UBND cấp huyện.

1.6. *Cơ quan giải quyết*:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

- Cơ quan giải quyết : Sở Ngoại vụ.

1.7. *Kết quả thực hiện*: văn bản của Chủ tịch UBND thành phố về việc ký kết thỏa thuận quốc tế.

1.8. *Phí, lệ phí*: Không.

1.9. *Tên mẫu đơn, tờ khai*: Không quy định.

1.10. *Yêu cầu, điều kiện thực hiện*: Không quy định.

1.11. *Căn cứ pháp lý của thủ tục*:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp thành phố; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp thành phố của tổ chức.

2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp huyện

2.1. *Trình tự thực hiện*:

Thực hiện theo Điều 13, Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ, cụ thể:

Bước 1: Trước khi tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế sửa đổi, bổ sung, gia hạn, UBND cấp huyện lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Ngoại vụ, các cơ quan cấp sở có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế đó và các cơ quan khác có liên quan.

Bước 2: Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 3: UBND cấp huyện tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế sửa đổi, bổ sung, gia hạn cho Sở Ngoại vụ.

Bước 4: Sở Ngoại vụ xử lý hồ sơ và trình Chủ tịch UBND thành phố.

Bước 5: Chủ tịch UBND thành phố quyết định bằng văn bản về việc ký kết thỏa thuận quốc tế sửa đổi, bổ sung, gia hạn trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 6: Chủ tịch UBND cấp huyện tiến hành ký kết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác ký kết thỏa thuận quốc tế sửa đổi, bổ sung, gia hạn.

Bước 7: UBND cấp huyện báo cáo Chủ tịch UBND thành phố bằng văn bản, đồng thời gửi Sở Ngoại vụ bản sao thỏa thuận quốc tế sửa đổi, bổ sung, gia hạn theo quy định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế sửa đổi, bổ sung, gia hạn được ký kết.

2.2. Cách thức thực hiện: lựa chọn một trong các cách sau:

- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Sở Ngoại vụ.
- Gửi trên phần mềm Văn phòng điện tử.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

2.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đối với hồ sơ lấy ý kiến về sửa đổi, bổ sung, gia hạn ký kết thỏa thuận quốc tế:

+ Văn bản đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế.

+ Dự thảo sửa đổi, bổ sung, gia hạn văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp bản sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

- Đối với hồ sơ trình về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn ký kết thỏa thuận quốc tế:

+ Văn bản đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế.

+ Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, tổ chức.

+ Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.

+ Dự thảo sửa đổi, bổ sung, gia hạn văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp bản sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

2.3.2. Số lượng: Chưa quy định.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- + Bước 1: trước khi ký kết thỏa thuận quốc tế sửa đổi, bổ sung, gia hạn
- + Bước 2: 07 ngày làm việc
- + Bước 3: Chưa quy định
- + Bước 4: Chưa quy định
- + Bước 5: 05 ngày làm việc
- + Bước 6: theo thời gian cụ thể thống nhất giữa các bên
- + Bước 7: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế sửa đổi, bổ sung, gia hạn được ký kết

2.5. Đối tượng thực hiện: UBND cấp huyện.

2.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.
- Cơ quan giải quyết : Sở Ngoại vụ.

2.7. Kết quả thực hiện: Văn bản của Chủ tịch UBND thành phố về việc ký kết thỏa thuận quốc tế sửa đổi, bổ sung, gia hạn.

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không quy định.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp thành phố; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp thành phố của tổ chức.

3. Thủ tục chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp huyện

3.1. Trình tự thực hiện:

Thực hiện theo Điều 14 Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ, cụ thể:

Bước 1: Trước khi tiến hành chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế, UBND cấp huyện lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Ngoại vụ, các cơ quan cấp sở có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế đó và các cơ quan khác có liên quan.

Bước 2: Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 3: UBND cấp huyện tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế cho Sở Ngoại vụ.

Bước 4: Sở Ngoại vụ xử lý hồ sơ và trình Chủ tịch UBND thành phố.

Bước 5: Chủ tịch UBND thành phố quyết định bằng văn bản về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 6: Chủ tịch UBND cấp huyện tiến hành ký văn bản chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác ký văn bản chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Bước 7: UBND cấp huyện báo cáo Chủ tịch UBND thành phố bằng văn bản; đồng thời gửi Sở Ngoại vụ bản sao thông báo chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được ký kết.

3.2. Cách thức thực hiện: lựa chọn một trong các cách sau:

- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Sở Ngoại vụ.
- Gửi trên phần mềm Văn phòng điện tử.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đối với hồ sơ lấy ý kiến về chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế:

+ Văn bản đề xuất về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế.

+ Dự thảo văn bản chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp dự thảo văn bản chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

- Đối với hồ sơ trình về việc về chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế:

+ Văn bản đề xuất về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế.

+ Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, tổ chức.

+ Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.

+ Dự thảo văn bản chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp dự thảo văn bản

chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

3.3.2. *Số lượng*: Chưa quy định.

3.4. *Thời hạn giải quyết*:

+ Bước 1: trước khi tiến hành về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế

+ Bước 2: 07 ngày làm việc

+ Bước 3: Chưa quy định

+ Bước 4: Chưa quy định

+ Bước 5: 05 ngày làm việc

+ Bước 6: theo thời gian cụ thể thống nhất giữa các bên

+ Bước 7: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế

3.5. *Đối tượng thực hiện*:

UBND cấp huyện.

3.6. *Cơ quan giải quyết*:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

- Cơ quan giải quyết : Sở Ngoại vụ.

3.7. *Kết quả thực hiện*: văn bản của Chủ tịch UBND thành phố về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế.

3.8. *Phí, lệ phí*: Không.

3.9. *Tên mẫu đơn, tờ khai*: Không quy định.

3.10. *Yêu cầu, điều kiện thực hiện*: Không quy định.

3.11. *Căn cứ pháp lý của thủ tục*:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp thành phố; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp thành phố của tổ chức.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp xã biên giới

1.1. *Trình tự thực hiện*:

Thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ, cụ thể:

Bước 1: Trước khi tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế, UBND cấp xã lấy ý kiến bằng văn bản của UBND cấp huyện.

Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, UBND cấp huyện cho ý kiến bằng văn bản và gửi hồ sơ đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế cho Sở Ngoại vụ.

Bước 3: Sở Ngoại vụ lấy ý kiến bằng văn bản của Công an thành phố, Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, cơ quan cấp sở có liên quan trực tiếp và các cơ quan khác có liên quan trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Bước 4: Công an thành phố, Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, cơ quan cấp sở có liên quan trực tiếp và các cơ quan khác có liên quan trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Ngoại vụ về đề xuất ký kết của UBND cấp xã biên giới.

Bước 5: Sở Ngoại vụ tổng hợp, trình Chủ tịch UBND thành phố.

Bước 6: Chủ tịch UBND thành phố xem xét quyết định bằng văn bản về việc ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp xã biên giới trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình của Sở Ngoại vụ

Bước 7: Chủ tịch UBND cấp xã biên giới tiến hành ký kết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác ký thỏa thuận quốc tế

Bước 8: Sau khi ký kết thỏa thuận quốc tế, Ủy ban nhân dân xã biên giới báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bằng văn bản, kèm theo bản sao thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được ký kết. Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Sở Ngoại vụ bản sao thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân xã biên giới.

1.2. Cách thức thực hiện: lựa chọn một trong các cách sau:

- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Sở Ngoại vụ.
- Gửi trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đối với hồ sơ lấy ý kiến về đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế (Điều 11, Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ):

+ Văn bản đề xuất về việc ký kết thỏa thuận quốc tế.

+ Dự thảo văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

- Đối với hồ sơ trình về việc ký kết thỏa thuận quốc tế (Điều 11, Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ):

+ Văn bản đề xuất về việc ký kết thỏa thuận quốc tế.

+ Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, tổ chức.

+ Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.

+ Dự thảo văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

1.3.2. *Số lượng*: Chưa quy định

1.4. *Thời hạn giải quyết*:

+ Bước 1: trước khi ký kết thỏa thuận quốc tế

+ Bước 2: 07 ngày làm việc

+ Bước 3: 03 ngày làm việc

+ Bước 4: 07 ngày làm việc

+ Bước 5: 05 ngày làm việc

+ Bước 6: theo thời gian cụ thể thống nhất giữa các bên

+ Bước 7: Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bằng văn bản, kèm theo bản sao thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được ký kết. Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Sở Ngoại vụ bản sao thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới.

1.5. *Đối tượng thực hiện*: UBND cấp xã biên giới.

1.6. *Cơ quan giải quyết*:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

- Cơ quan giải quyết : Sở Ngoại vụ, UBND cấp huyện

1.7. *Kết quả thực hiện*: văn bản của Chủ tịch UBND thành phố về việc ký kết thỏa thuận quốc tế.

1.8. *Phí, lệ phí*: Không.

1.9. *Tên mẫu đơn, tờ khai*: Không quy định.

1.10. *Yêu cầu, điều kiện thực hiện*: Không quy định.

1.11. *Căn cứ pháp lý của thủ tục*:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ

quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức.

2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp xã biên giới.

2.1. Trình tự thực hiện:

Thực hiện theo Điều 13, Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ, cụ thể:

Bước 1: Trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế, UBND cấp xã lấy ý kiến bằng văn bản của UBND cấp huyện.

Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, UBND cấp huyện cho ý kiến bằng văn bản và gửi hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế cho Sở Ngoại vụ.

Bước 3: Sở Ngoại vụ lấy ý kiến bằng văn bản của Công an thành phố, Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, cơ quan cấp sở có liên quan trực tiếp và các cơ quan khác có liên quan trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Bước 4: Công an thành phố, Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, cơ quan cấp sở có liên quan trực tiếp và các cơ quan khác có liên quan trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Ngoại vụ về đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn của UBND cấp xã biên giới.

Bước 5: Sở Ngoại vụ tổng hợp, trình Chủ tịch UBND thành phố.

Bước 6: Chủ tịch UBND thành phố xem xét quyết định bằng văn bản về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp xã biên giới trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình của Sở Ngoại vụ.

Bước 7: Chủ tịch UBND cấp xã biên giới tiến hành ký kết sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác ký.

Bước 8: Sau khi sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế, Ủy ban nhân dân xã biên giới báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bằng văn bản, kèm theo bản sao sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được sửa đổi, bổ sung, gia hạn. Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Sở Ngoại vụ bản sao bản sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân xã biên giới.

2.2. Cách thức thực hiện: lựa chọn một trong các cách sau:

- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Sở Ngoại vụ.
- Gửi trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

2.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đối với hồ sơ lấy ý kiến về sửa đổi, bổ sung, gia hạn ký kết thỏa thuận quốc tế:
- + Văn bản đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế.
- + Dự thảo sửa đổi, bổ sung, gia hạn văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp bản sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.
- Đối với hồ sơ trình về việc về sửa đổi, bổ sung, gia hạn ký kết thỏa thuận quốc tế:
- + Văn bản đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế.
- + Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, tổ chức.
- + Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.
- + Dự thảo sửa đổi, bổ sung, gia hạn văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp bản sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

2.3.2. Số lượng: Chưa quy định

2.4. Thời hạn giải quyết:

- + Bước 1: trước khi ký kết thỏa thuận quốc tế
- + Bước 2: 07 ngày làm việc
- + Bước 3: 03 ngày làm việc
- + Bước 4: 07 ngày làm việc
- + Bước 5: 05 ngày làm việc
- + Bước 6: theo thời gian cụ thể thống nhất giữa các bên
- + Bước 7: Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bằng văn bản, kèm theo bản sao bản sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được sửa đổi, bổ sung, gia hạn. Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Sở Ngoại vụ bản sao bản sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới.

2.5. Đối tượng thực hiện: UBND cấp xã biên giới.

2.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.
- Cơ quan giải quyết : Sở Ngoại vụ, UBND cấp huyện

2.7. Kết quả thực hiện: văn bản của Chủ tịch UBND thành phố về việc ký kết thỏa thuận quốc tế.

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không quy định.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức.

3. Thủ tục chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp xã biên giới.

3.1. Trình tự thực hiện:

Thực hiện theo Điều 14, Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ, cụ thể:

Bước 1: Trước khi tiến hành chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế, UBND xã biên giới lấy ý kiến bằng văn bản của UBND cấp huyện.

Bước 2: UBND cấp huyện cho ý kiến bằng văn bản và gửi hồ sơ đề xuất chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế cho Sở Ngoại vụ trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 3: Sở Ngoại vụ lấy ý kiến bằng văn bản của Công an thành phố, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Bộ chỉ huy quân sự thành phố, cơ quan cấp sở có liên quan trực tiếp và các cơ quan khác có liên quan trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 4: Các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Ngoại vụ về đề xuất chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới.

Bước 5: Sở Ngoại vụ tổng hợp, tham mưu trình Chủ tịch UBND thành phố.

Bước 6: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bằng văn bản về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình của Sở Ngoại vụ.

Bước 7: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới tiến hành ký văn bản chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác ký văn bản chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Bước 8: Ủy ban nhân dân xã biên giới thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày việc chấm dứt hiệu lực, rút

khỏi, tạm đình chỉ thực hiện có hiệu lực. Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo bằng văn bản cho Sở Ngoại vụ trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Ủy ban nhân dân xã biên giới.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Sở Ngoại vụ.
- Gửi trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đối với hồ sơ lấy ý kiến về chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế:

+ Văn bản đề xuất về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế.

+ Dự thảo văn bản chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp dự thảo văn bản chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

- Đối với hồ sơ trình về việc về chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế:

+ Văn bản đề xuất về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế.

+ Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, tổ chức.

+ Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.

+ Dự thảo văn bản chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp dự thảo văn bản chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

3.3.2. Số lượng: Chưa quy định.

3.4. Thời hạn giải quyết:

+ Bước 1: trước khi tiến hành về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế

+ Bước 2: 07 ngày làm việc

+ Bước 3: Chưa quy định

+ Bước 4: Chưa quy định

+ Bước 5: 05 ngày làm việc

+ Bước 6: theo thời gian cụ thể thống nhất giữa các bên

+ Bước 7: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế

3.5. Đối tượng thực hiện:

UBND cấp xã biên giới.

3.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.
- Cơ quan giải quyết : Sở Ngoại vụ.

3.5. Kết quả thực hiện: Văn bản của Chủ tịch UBND thành phố về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế.

3.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.
- Cơ quan giải quyết : Sở Ngoại vụ.

3.7. Kết quả thực hiện: văn bản của Chủ tịch UBND thành phố về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế.

3.8. Phí, lệ phí: Không.

3.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không quy định.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức./.